

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông
Tên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Mã ngành: 6510202

HỌC KỲ 1 (20 Tín chỉ)

Tiếng Anh MH3207200. 2(1,1)
GD Thể chất MH3209106. 1(0,1)
Pháp luật MH3208104. 1(1,0)
Tin Học MH3201202. 1(0,1)
Linh kiện điện-điện tử ô tô MH3232419. 2(1,1)
Tiếng anh chuyên ngành ô tô MH3232422. 2(1,1)
Thực tập động cơ nâng cao MĐ3232423. 2(0,2)
Lý thuyết ô tô MH3232421. 3(2,1)
Năng lượng tái tạo MH3232400. 2(2,0)
Chuyên đề ô tô lai, ô tô điện MH3232430,4(4,0)

HỌC KỲ 2 (22 Tín chỉ)

Giáo dục chính trị MH3208021. 3(3,0)
Vẽ Auto cad MH3232420. 2(1,1)
Dụng sai kỹ thuật đo MH3232418. 2(2,0)
Hệ thống tiện nghi và giải trí trên ô tô MĐ3232424. 4(3,1)
Gầm ô tô nâng cao MH3232425. 3(3,0)
Thực tập gầm ô tô nâng cao MĐ3232426. 2(0,2)
Kỹ thuật sửa chữa sơn ô tô MĐ3232429. 3(2,1)
Quản lý dịch vụ ô tô MH3232431. 2(2,0)
GD QP và AN MH3209022. 1(0,1)

HỌC KỲ 3 (16 Tín chỉ)

Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô theo định kỳ MĐ3232427. 2(0,2)
Thực tập chẩn đoán kiểm định ô tô MĐ3232428. 2(0,2)
Kỹ thuật sửa chữa thân vỏ ô tô MĐ3232434. 3(1,2)
Kỹ thuật chăm sóc và làm đẹp xe MĐ3232435. 3(1,2)
Khóa luận tốt nghiệp MĐ3232433. 6(2,4)
Thực tập tốt nghiệp MĐ3232432. 6(0,6)

**Tự chọn
(6 TC)**